

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-ST

Ngày: 17 - 8 - 2026

V/v: Tranh chấp
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hồng;
- Ông Nguyễn Đình Đại.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 (tuyên án ngày 17 tháng 8 năm 2026), tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần J1 (trước đây là Công ty cổ phần J1). Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T1 - Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ A (theo “Văn bản ủy quyền” số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Trung T2 – Chức vụ: Trưởng bộ phận XLN; Ông Nguyễn Văn Q – chức vụ: chuyên viên XLN (theo “Văn bản ủy quyền” số 33511/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 10/11/2025 của ông Nguyễn Phúc T1); Ông Nguyễn Bá D – chuyên viên XLN (theo “Văn bản ủy quyền” số 26508/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 04/8/2026).

Đều có địa chỉ làm việc: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Anh Phan Văn T3, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn L (trước đây là khu A N), xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Ông Nguyễn Bá D có mặt, anh Phan Văn T3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Q và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Bá D trình bày:*

Ngày 30/01/2019 ông Phan Văn T3 vay của V theo “Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số LN1901281229866/VPC/HĐTC), với số tiền 466.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100% nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: ELANTRA 1.6 MT CKD 2018 phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân, thời hạn vay 83 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 31/01/2019 đến ngày 31/12/2025, trả nợ tiền gốc và lãi theo định kỳ, một tháng trả 01 lần, vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 05/3/2019. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 10,9%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh sau 03 tháng một lần, biên độ 4,5 %/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay tại từng thời điểm, lãi suất chậm trả đối với khoản tiền lãi trên nợ gốc chậm thanh toán bằng 10%/năm.

Sau khi ký kết Hợp đồng, V đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông Phan Văn T3 theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Phan Văn T3 đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên toàn bộ khoản nợ gốc đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn; ngoài ra ông Phan Văn T3 còn phải thanh toán tiền lãi chậm trả kể từ ngày 06/7/2020.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, số khung RLADB41CAJN013613, số máy G4FGJU015998, mang Biển kiểm soát số: 19A-229.83, theo “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 035132 do Phòng C Công an tỉnh P cấp, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Văn T3. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024, Hợp đồng chuyển nhượng số 16/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm, thì Ngân hàng TMCP V1 đã bán và chuyển quyền thu hồi nợ đối với toàn bộ khoản vay và các vấn đề liên quan của ông Phan Văn T3 cho Công ty Cổ Phần J1 (nay là Công ty Cổ Phần J1 (gọi tắt là công ty J1)). Công ty J1 đã thông báo cho ông Phan Văn T3 về việc chuyển giao quyền đòi nợ và yêu cầu ông Phan Văn T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Phan

Văn T3 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận cam kết trong Hợp đồng.

Nay toàn bộ số nợ gốc và lãi của Hợp đồng đã quá hạn vì vậy Công ty J1 yêu cầu ông Phan Văn T3 phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung sau:

+ Buộc ông Phan Văn T3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2026 là: 1.034.464.348 (Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng) theo Hợp đồng: LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019, trong đó: Tiền gốc phải trả: 387.059.956 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng); tiền lãi phải trả: 486.555.456 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng); tiền lãi chậm trả của tiền lãi phát sinh trên nợ gốc: 160.848.936 đồng (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

+ Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Phan Văn T3 thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty J1.

+ Kể từ ngày Bản án Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Phan Văn T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho công ty J1 thì công ty J1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty J1, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, số khung RLUDB41CAJN013613, số máy G4FGJU015998, Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 19A-229.83 do Phòng Công an Tỉnh P cấp, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của ông Phan Văn T3. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty J1.

+ Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, công ty J1 có toàn quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Phan Văn T3 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

+ Ông Phan Văn T3 phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí tố tụng liên quan (nếu có).

+ Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản vay nợ 11.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng số 131-P-1266636 ngày 28/01/2019.

** Tại Bản tự khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Phan Văn T3 trình bày:*

Nội dung vay nợ giữa anh và công ty J1 như phần trình bày trên của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng. Khoản vay trên là do anh sử dụng một mình vào việc làm ăn. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI

ELANTRA, số khung RLADB41CAJN013613, số máy G4FGJU015998, Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 19A-229.83 do Phòng C công an tỉnh P cấp trước đây do anh sử dụng, nhưng hiện nay chiếc xe đã thất lạc, anh không quản lý chiếc xe này.

Về tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019, anh nhất trí với số tiền gốc lãi, cách tính lãi của công ty J1. Tuy nhiên đối với Hợp đồng 131-P-1266636, anh chỉ đồng ý về số nợ gốc, còn nợ lãi anh đề nghị được kiểm tra lại.

Do hiện nay anh chưa có việc làm, công việc khó khăn, thu nhập hạn chế nên anh đề nghị được trả nợ dần.

* *Tài liệu giám định:* Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 668/2026/QĐ-TCGD ngày 18/5/2026 đề yêu cầu Phòng K - Công an tỉnh T tiến hành giám định với nội dung: “Chữ ký ở bên trên chữ “Phan Văn T3”, bên dưới dòng chữ “NGƯỜI XIN GIA HẠN (Chữ ký, họ và tên) ”, tại vị trí cuối cùng trang 1 trong “ĐƠN XIN GIA HẠN” ngày 08 tháng 01 năm 2026 (Ký hiệu là: A1); Chữ ký nhỏ hơn liền bên dưới các ký hiệu đánh số trang: “- 1 -”, “- 2 -”, “- 3 -”, “- 4 -”, “- 5 -”, “- 6 -”, tại vị trí cuối cùng của các trang tương ứng 1, 2, 3, 4, 5, 6 và chữ viết họ tên “Phan Văn T3” cùng chữ ký ở bên trên, tại vị trí cuối cùng, phía bên trái của trang 7 trong “Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô” số LN1901281229866/VPC/ HĐTC ngày 30/01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 Chi nhánh V2 và anh Phan Văn T3 (gồm 7 trang), (Ký hiệu là: A2) so với: chữ viết họ tên “Phan Văn T3” và chữ ký ở bên trên họ tên, tại vị trí góc dưới bên phải (bên dưới dòng chữ “Người khai (ký ghi rõ họ tên)”) trong “PHIẾU THU NHẬN THÔNG TIN CĂN CƯỚC CÔNG DÂN” ngày 21/6/2021 (Ký hiệu là: M1) và “PHIẾU CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA THÔNG TIN DÂN CU” ngày 21/6/2021 (Ký hiệu là: M2), có phải cùng một người ký tên và viết tên hay không?” Tại bản Kết luận giám định số: 965/KL-KTHS ngày 27/5/2026, Phòng K - Công an tỉnh T đã kết luận: Chữ ký đứng tên Phan Văn T3 và chữ viết ghi tên Phan Văn T3 nêu ở trên do cùng một người ký và viết.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn: Anh T3 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định anh Phan Văn T3 đã vay vốn của Ngân hàng TMCP V1 (V) theo “Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019, có thể chấp tài sản

bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, biển kiểm soát 19A-229.83. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng V đã chuyển giao hợp pháp quyền đòi nợ đối với khoản vay nêu trên cho Công ty cổ phần J1 (nay là Công ty cổ phần J1) theo Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER và Hợp đồng chuyển nhượng nợ số 16/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024, do đó Công ty cổ phần J1 có quyền khởi kiện yêu cầu anh T3 trả nợ. Việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả của nguyên đơn đối với Hợp đồng số LN1901281229866/VPC/HĐTC là có căn cứ, đúng thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản vay 11.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 131-P-1266636 ngày 28/01/2019, nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, do đó có căn cứ chấp nhận việc rút yêu cầu và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 161, 162, 244, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 116, 117, 274, khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 278, Điều 280, Điều 282, khoản 2 Điều 292, các Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 398, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100, khoản 6, khoản 7 Điều 102 và khoản 1, khoản 2 Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần J1 (trước đây là Công ty cổ phần J1) đối với bị đơn là anh Phan Văn T3.

- Buộc anh Phan Văn T3 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần J1 tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 14/8/2026 theo "Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô" số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019 là 1.034.464.348 đồng (trong đó: tiền gốc 387.059.956 đồng, tiền lãi 486.555.456 đồng, tiền lãi chậm trả của tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 160.848.936 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Phan Văn T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần J1 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, biển kiểm soát 19A-229.83 để thu hồi nợ; trường hợp tài sản thế chấp được xử lý không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T3 phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản vay nợ 11.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng số 131-P-1266636 ngày 28/01/2019.

- Về chi phí tố tụng: Buộc anh Phan Văn T3 hoàn trả cho Công ty cổ phần J1 chi phí giám định là 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Công ty cổ phần J1 nay là Công ty cổ phần J1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Phan Văn T3 cư trú tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ phải có nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Tranh chấp phát sinh do vi phạm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân, do vậy Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về Hợp đồng tín dụng: Theo “Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số LN1901281229866/VPC/HĐTC), giữa Bên cho vay: Ngân hàng TMCP V1 (V) và Bên vay: Anh Phan Văn T3 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật cho phép thực hiện, tuân thủ đúng pháp luật về nội dung, hình thức của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 385 và Điều 398 của Bộ luật dân sự do vậy hợp đồng có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và mỗi bên đều phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, V đã thực hiện đúng thỏa thuận, giải ngân số tiền vay 466.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng) cho Bên vay. Tuy nhiên, khi thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tiền lãi định kỳ đã cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngày 27/12/2024, Công ty J1 đã ký kết hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER. Theo đó V đã bán và chuyển quyền thu hồi nợ đối với

toàn bộ khoản vay của anh Phan Văn T3 cho Công ty J1, do vậy Công ty J1 có quyền khởi kiện để yêu cầu anh Phan Văn T3 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi còn nợ của “Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên kể từ ngày 06/7/2020, anh T3 phải trả tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc còn nợ và tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định cũng như thỏa thuận giữa hai bên.

Mức lãi suất cho vay: 10,9%/năm (được điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay áp dụng từng thời điểm và lãi suất chậm trả đối với khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc: 10%/ năm là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ; bảng tổng hợp dư nợ, bảng kê số tiền gốc, tiền lãi đã trả; bản giải trình về lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của nguyên đơn thì tạm tính đến hết ngày 14/8/2026, anh Phan Văn T3 còn nợ của Công ty J1 tổng số tiền 1.034.464.348 (Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng) theo Hợp đồng: LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019, trong đó: Tiền gốc phải trả: 387.059.956 đồng, tiền lãi phải trả 486.555.456 đồng, tiền lãi chậm trả của tiền lãi phát sinh trên nợ gốc: 160.848.936 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nào khác mà chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về phía bị đơn xác nhận nội dung vay nợ giữa bị đơn và công ty J1 như phần trình bày trên đối với Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019 của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng. Về tiền nợ gốc và lãi bị đơn nhất trí với số tiền gốc, lãi, cách tính lãi của công ty J1, nhưng bị đơn không thống nhất được với nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi kiểm tra, đánh giá thì việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ, đúng thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp các quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 14/8/2026 tổng cộng 1.034.464.348 (Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật được chấp nhận.

Ngoài tiền nợ gốc, tiền lãi phải trả như đã nêu trên, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm:

Theo “Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019 thì các bên tự nguyện thỏa thuận tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Phan Văn T3 là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, số khung RLADB41CAJN013613, số máy G4FGJU015998, mang Biển kiểm soát số: 19A-229.83, theo “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 035132 do phòng C Công an tỉnh P cấp, mang tên chủ xe: Phan Văn T3. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp thông tin, địa chỉ tài sản thế chấp, nhưng cả hai đều không biết chiếc xe ô tô đang ở đâu, ai đang quản lý nên Tòa án không xem xét thẩm định được tài sản thế chấp. Tuy nhiên, xét Hợp đồng số LN1901281229866/VPC/HĐTC nêu trên được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 317 của Bộ luật Dân sự do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết theo quy định tại khoản 1 Điều 319 của Bộ luật Dân sự. Việc không xem xét, thẩm định được tài sản không ảnh hưởng đến tính hợp pháp và hiệu lực của hợp đồng do vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc cho phát mại, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng pháp luật được chấp nhận.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, công ty J1 có toàn quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của anh Phan Văn T3 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

[2.3] Xét đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện cần được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án và nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án công khai cho các đương sự được biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp. Sau khi kiểm tra, xem xét đánh giá, Hội đồng xét xử xác định những tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp đều hợp pháp và có đầy đủ cơ sở để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm: Chi phí giám định là 6.000.000 đồng. (Toàn bộ số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên cần buộc bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án

phí. Bị đơn phải nộp tiền án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 161, 162, Điều 244, Điều 264, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 274, khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 278, Điều 280, Điều 282, khoản 2 Điều 292, các Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 385, 398, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100; khoản 6, khoản 7 Điều 102 và khoản 1, khoản 2 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần J1 (trước đây là Công ty cổ phần J1).

1.1. Buộc anh Phan Văn T3 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần J1 tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 14/8/2026 theo “Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019 là: 1.034.464.348 (*Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng*), trong đó: Tiền gốc phải trả: 387.059.956 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng); tiền lãi phải trả: 486.555.456 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng); tiền lãi chậm trả của tiền lãi phát sinh trên nợ gốc: 160.848.936 đồng (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (14/8/2026) cho đến khi thi hành án xong, anh Phan Văn T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong “Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô” số LN1901281229866/VPC/HĐTC ngày 30/01/2019. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất mà anh Phan Văn T3 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần J1 được xác định theo thỏa thuận của các bên.

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Phan Văn T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần J1 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đã thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, số khung RLADB41CAJN013613, số máy G4FGJU015998, mang Biển kiểm soát số: 19A-229.83, theo “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” số 035132 do phòng C Công an tỉnh P cấp, mang tên chủ xe Phan Văn T3 (bao gồm tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp) để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm được bán đấu giá không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Phan Văn T3 phải tiếp tục trả nợ cho Công ty cổ phần J1 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản vay nợ 11.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng số 131-P-1266636 ngày 28/01/2019.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Phan Văn T3 phải hoàn trả lại cho Công ty cổ phần J1 (Công ty cổ phần J1) chi phí giám định số tiền là: 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Anh Phan Văn T3 phải nộp 43.033.900 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần J1 (trước đây là Công ty cổ phần J1) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.620.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số 0007000 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/8/2026), bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 36, 71 và 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKSND KV 5 - Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS KV5 - Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Linh